UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG TH lê văn tám

Biểu mẫu 6.5

THÔNG BÁO
Báo cáo quyết toán kinh phí năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**		
I	**Số thu phí, lệ phí**		
1	**Học phí** (nếu có)		
1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
1.2	Mức thu….		
1.3	Tổng số thu trong năm		
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó:- Bổ sung chi lương		
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn		
	- Chi khác:…		
1.7	Số dư cuối năm		
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT)		
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** (Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
2.1	**…..**		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.1.2	Mức thu….		
2.1.3	Tổng số thu trong năm		
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
2.1.6	Số chi trong năm		
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Cho công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
2.1.7	Số dư cuối năm		
	….		
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: Chi tiết theo từng công trình, dự án)**		
3.1	**…**		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
3.1.2	Tổng số thu trong năm		
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		

3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng		
3.1.5	Số chi trong năm		
	Trong đó: - ……		
	- ……		
	- ……		
3.1.6	Số dư cuối năm		
3.2	…….		
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú…**(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
4.1	**Chăm nuôi bán trú**		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.1.2	Mức thu….	150 000đ/hs/ tháng	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	423 242 000	
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	423 242 000	
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	423 242 000	
4.1.6	Số chi trong năm	423 242 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	423 242 000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
4.1.7	Số dư cuối năm		
4.2	**Tiền mua trang thiết bị phục vụ bán trú**		
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.2.2	Mức thu….	200 000đ/lớp 1; 360.000đ/lớp 2-5/năm	
4.2.3	Tổng số thu trong năm	191 600 000	
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	191 600 000	
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	191 600 000	
4.2.6	Số chi trong năm	191 600 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia		
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	191 600 000	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
4.1.7	Số dư cuối năm		
4.3	**Thu tiền ăn và chất đốt bán trú**		
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.3.2	Mức thu….	30.000đ/tháng	
4.3.3	Tổng số thu trong năm	2 845 362 500	

4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	2 845 362 500	
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	2 845 362 500	
4.3.6	Số chi trong năm	2 845 362 500	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…		
	- Chi ăn và chất đốt	2 845 362 500	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
4.4	**Thu tiền hỗ trợ CSVC, điện, nước học buổi 2**		
4.4.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.4.2	Mức thu….	30.000đ/tháng	
4.4.3	Tổng số thu trong năm	107 970 000	
4.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	107 970 000	
4.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	107 970 000	
4.4.6	Số chi trong năm	107 970 000	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…		
	- Chi hỗ trợ CSVC, điện, nước	107 970 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
4.5	**Quản lý hoc sinh cuối buổi**		
4.5.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.5.2	Mức thu….	200 000đ/hs/ tháng	
4.5.3	Tổng số thu trong năm	538 000 000	
4.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	538 000 000	
4.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	538 000 000	
4.5.6	Số chi trong năm	538 000 000	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	538 000 000	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
4.5.7	Số dư cuối năm		
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học.** (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
5.1	**Kỹ năng sống**		
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	7 990 160	
5.1.2	Mức thu….	48.000đ/tháng	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	213 364 000	

5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	221 354 160	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	221 354 160	
5.1.6	Số chi trong năm	209 175 760	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	149 354 800	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	22 161 960	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	32 004 600	
	- Chi phúc lợi	5 654 400	
	- Chi khác:…		
5.1.7	Số dư cuối năm	12 178 400	
5.2	**Tiếng Anh có giáo viên người nước ngoài**		
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	8 236 224	
5.2.2	Mức thu….	160.000đ/tháng	
5.2.3	Tổng số thu trong năm	837 200 000	
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	845 436 224	
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	845 436 224	
5.2.6	Số chi trong năm	819 257 714	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	586 040 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	90 260 224	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	125 580 000	
	- Chi phúc lợi	17 377 490	
	- Chi khác:…		
5.2.7	Số dư cuối năm	26 178 510	
5.3	**Tiếng Anh có giáo viên người Việt Nam**		
5.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	5 183 388	
5.3.2	Mức thu….	80.000đ/tháng	
5.3.3	Tổng số thu trong năm	284 510 000	
5.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	289 693 388	
5.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	289 693 388	
5.3.6	Số chi trong năm	265 485 388	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	199 157 000	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	17 563 888	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	42 676 500	
	- Chi phúc lợi	6 088 000	
	- Chi khác:…		
5.3.7	Số dư cuối năm	24 208 000	
5.4	**Tin học**		
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	2 969 300	
5.4.2	Mức thu….	40.000đ/tháng	
5.4.3	Tổng số thu trong năm	76 225 000	
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	79 194 300	
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	79 194 300	
5.4.6	Số chi trong năm	70 192 800	

	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	53 357 500	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	5 401 550	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	11 433 750	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
5.4.7	Số dư cuối năm	9 001 500	
5.5	**Tiếng Nhật**		
5.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	1 932 000	
5.5.2	Mức thu….	96.000đ/tháng	
5.5.3	Tổng số thu trong năm	23 316 000	
5.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	25 248 000	
5.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	25 248 000	
5.5.6	Số chi trong năm	22 184 160	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	16 321 200	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	2 141 000	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	3 497 400	
	- Chi phúc lợi	224 560	
	- Chi khác:…		
5.5.7	Số dư cuối năm	3 063 840	
5.6	**Toán tư duy**		
5.6.1+	Số dư năm trước chuyển sang		
5.6.2	Mức thu….	48.000đ/tháng	
5.6.3	Tổng số thu trong năm	56 928 000	
5.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	56 928 000	
5.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng	56 928 000	
5.6.6	Số chi trong năm	52 889 160	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy…	39 849 600	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	4 500 360	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	8 539 200	
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác:…		
5.6.7	Số dư cuối năm	4 038 840	
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn đội, đồng phục, sách vở,…** (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
6.1	**Đội**		
6.1.1	Số học sinh	1 050	
6.1.2	Mức thu:…..	30.000đ/năm	
6.1.3	Tổng thu	31 525 000	
6.1.4	Đã chi	13 895 036	
6.1.5	Nộp về Quận đoàn	8 050 000	
6.1.6	Dư	9 579 964	
6.2	**Lợn siêu trọng**		

6.2.1	Số học sinh		
6.2.2	Mức thu:…..		
6.2.3	Tổng thu	7 414 000	
6.2.4	Đã chi	376 795	
6.2.5	Nộp lên	2 224 000	
6.2.6	Dư	4 813 205	
6.3	**Nước uống học sinh**		
6.3.1	Số học sinh	1 022	
6.3.2	Mức thu:…..	10.000đ/tháng	
6.3.3	Tổng thu	92 015 000	
6.3.4	Đã chi	92 015 000	
6.3.5	Dư		
6.4	**Quỹ khuyến học**		
6.4.1	Số học sinh và giáo viên	1022HS+48GV	
6.4.2	Mức thu:…..	50 000đ/hs+ 01 ngày lương/gv	
6.4.3	Tổng thu	60 895 675	
6.4.4	Đã chi	12 840 000	
6.4.5	Nộp về hội khuyến học	30 447 838	
6.4.6	Dư	17 607 837	
6.5	**Bảo hiểm y tế học sinh**		
6.5.1	Số học sinh	1187 hs	
6.5.2	Mức thu:…..	theo quy định	
6.5.3	Tổng thu	1 290 853 305	
6.5.4	Tổng nộp BHXH	1 290 853 305	
B	**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH**		
1	**Ngân sách nhà nước**		
1.1	Ngân sách chi thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm	7 774 716 395	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	7 540 000 000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	234 716 395	
	+ Kinh phí giảm trong năm		
	- Kinh phí thực nhận trong năm	7 774 716 395	
	- Kinh phí quyết toán	7 774 716 395	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên		
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang		
	- Dự toán được giao trong năm	4 083 387 000	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	550 000 000	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	3 533 387 000	

	+ Kinh phí giảm trong năm	248 703 000	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	3 834 684 000	
	- Kinh phí quyết toán	3 834 684 000	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	**Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính**		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
C	**NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (Nếu có: chi tiết từng nguồn)**		
1	**Học phí**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
2	**Học thêm**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
3	**….**		
	Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm		
	Trong đó: - Trích lập các quỹ		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	+ Quỹ"…."		
	- Kinh phí cải cách tiền lương		
D	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**		
1	**Mức thu nhập của CBQL**		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	147 796 656	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	133 331 044	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	119 457 168	
2	**Mức thu nhập của giáo viên**		
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	142 039 152	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	97 372 781	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	36 165 876	
E	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**		
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)		

2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	3.613.254	

H.P..., ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thanh Nhã

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.LÊ CHÂN TP.HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN TÁM

HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Khoa